

Số: 35/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị P

Sinh ngày 22 tháng 7 năm 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Trung T

Sinh ngày: 14 tháng 8 năm 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng X

Địa chỉ: Khối phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện K, theo Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ - NHCS

Ngân hàng M

Địa chỉ: Tại chi nhánh huyện K thuộc Khối phố H, phường S, thị xã K, Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang Th - Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh huyện K. Giấy ủy quyền số: 06/QĐ - NHHoH.KA – GD ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a, d khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm

2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị P, anh Nguyễn Trung T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Trung T có 03 con chung, gồm:

Họ và tên: Nguyễn Trung N– Sinh ngày: 22 tháng 6 năm 2005

Họ và tên: Nguyễn Trúc Thanh M– Sinh ngày: 13 tháng 01 năm 2010

Họ và tên: Nguyễn Trúc L– Sinh ngày: 26 tháng 01 năm 2013

Giao cả 03 con chung cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Anh Nguyễn Trung T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Trong thời gian chị Trần Thị P trực tiếp nuôi con chung, anh Nguyễn Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 01 con chung 1.000.000đ (một triệu đồng) mỗi tháng, tức là 3.000.000 đồng mỗi tháng cho cả 03 con. Trường hợp anh Nguyễn Trung T chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị P thì anh Nguyễn Trung T phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án ghi nhận trong quyết định của Tòa án sự tự thỏa thuận của chị Trần Thị P, anh Nguyễn Trung T, Ngân hàng X, Ngân hàng M. Sự tự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về tài sản chung của vợ chồng:* Giao cho anh Nguyễn Trung T sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng thửa đất thuộc thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 400 m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 899327, số vào sổ cấp GCN: CH 00021, mang tên anh Nguyễn Trung T và Trần Thị P do UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2012. Tài sản gắn liền với đất có 01 ngôi nhà gỗ 02 gian xây bao.

Anh Nguyễn Trung T chủ động làm thủ tục để sang tên, đổi chủ. Chị Trần Thị P sẽ có trách nhiệm cùng với anh Thành để làm thủ tục.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đang do Ngân hàng M giữ.

- *Về nợ chung*

Anh Nguyễn Trung T chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng M toàn bộ số tiền tính đến ngày 01 tháng 04 năm 2021 là: 35.000.000đ (ba lăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi kèm theo theo hợp đồng tín dụng số 3704LAV201801245 giữa Ngân hàng M chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và Trần Thị P và anh Nguyễn Trung T vào ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Chị Trần Thị P chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X toàn bộ số tiền theo hợp đồng tín dụng số 6600000711407331 tính đến ngày 01 tháng 04 năm 2021 là: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi kèm theo theo lãi suất 9%/năm, thời hạn trả nợ 10/11/2022.

2.3 Về án phí: Chị Trần Thị P thỏa thuận nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005711 ngày 02 tháng 4 năm 2021. Chị Trần Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Quang Dũng